

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho học viên khóa tuyển sinh năm 2015 hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20-03-2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01-12-2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ quyết định số 436/QĐ-ĐHSP ngày 29/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non bậc Đại học, hệ vừa làm vừa học, đào tạo tại Trung tâm GDTX số 1 thành phố Đà Nẵng, khóa thi ngày 08/4/2018;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 11/04/2018 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng Cử nhân cho 62 (sáu mươi hai) học viên hệ đào tạo vừa làm vừa học (phương thức liên thông từ trình độ Trung cấp chuyên nghiệp lên Đại học), khóa tuyển sinh năm 2015 ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể:
(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- ĐHĐN (Ban Đào tạo);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH HỌC VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số: 527/QĐTN ngày 13 tháng 04 năm 2018 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hồ Thị Ngọc Ánh	27/06/1994	7,66	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 2
2	Lê Văn Anh	02/04/1994	7,62	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 1
3	Lê Thị Ngọc Bích	20/09/1994	7,35	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 4
4	Lê Thị Bình	10/03/1982	7,9	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 3
5	Nguyễn Thị Cúc	21/09/1991	7,52	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 5
6	Huỳnh Thị Ngọc Hương	28/07/1989	7,64	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 7
7	Trần Thị Thanh Hằng	04/04/1994	7,03	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 12
8	Huỳnh Thị Hiệp	01/06/1984	7,45	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 17
9	Vũ Thị Hoa	21/04/1993	7,24	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 18
10	Lê Thị Xuân Hùng	25/05/1990	7,66	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 21
11	Lê Thị Thiên Hương	10/05/1991	7,55	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 22
12	Nguyễn Thị Hương	10/08/1993	7,57	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 23
13	Hồ Thị Thảo Lan	31/12/1992	7,24	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 24
14	Nguyễn Thị Liên	01/11/1994	7,1	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 25
15	Nguyễn Thị Hồng Linh	16/11/1994	7,82	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 27
16	Trịnh Thị Thùy Linh	15/08/1993	7,36	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 28
17	Trương Thị Mỹ Linh	12/12/1993	7,32	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 29
18	Nguyễn Thị Trúc Ly	16/10/1993	7,39	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 30
19	Hồ Thị Trà Mi	08/03/1993	7,52	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 31
20	Lê Thị Hạnh My	10/04/1994	7,08	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 32
21	Đỗ Thị Ni Na	01/10/1991	7,6	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 34
22	Nguyễn Thị Ly Na	13/03/1993	7,35	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 35
23	Hồ Thị Bích Nga	28/01/1992	7,34	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 37
24	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/01/1990	7,65	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 38
25	Thái Thị Ngọc	18/06/1994	7,57	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 39
26	Đặng Thị Thanh Nhân	02/04/1991	7,48	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 41
27	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	27/06/1994	7,35	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 42
28	Huỳnh Thị Ngọc Ni	30/10/1993	7,61	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 44
29	Nguyễn Thị Niên	28/08/1991	7,58	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 45
30	Võ Thị Oanh	09/03/1993	7,48	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 46
31	Lê Thị Phụng	13/10/1994	7,58	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 48
32	Đào Thị Phương	23/07/1994	7,29	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 49
33	Nguyễn Thị Nhã Phương	19/11/1992	7,87	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 52
34	Thái Thị Phương	22/02/1994	7,45	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 54
35	Nguyễn Thị Minh Tâm	10/05/1992	7,4	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 55
36	Trần Thị Thanh Tâm	07/06/1993	7,26	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 56

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
37	Hà Nguyễn Phương	Thảo	16/02/1992	7,25	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 58
38	Khổng Thị Phương	Thảo	10/10/1994	7,3	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 59
39	Trần Thị Bích	Thảo	12/01/1994	7,48	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 60
40	Nguyễn Thị Ái	Thi	01/02/1993	7,98	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 62
41	Bùi Thị	Thu	12/02/1994	7,57	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 63
42	Đặng Thị Minh	Thư	10/04/1994	7,28	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 69
43	Võ Thị	Thương	30/06/1993	7,34	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 70
44	Huỳnh Thị Bích	Thùy	10/12/1978	7,36	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 67
45	Lê Thị Phương	Thúy	02/01/1990	7,89	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 65
46	Nguyễn Thị Bích	Thùy	26/08/1992	7,33	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 64
47	Tô Thị	Thúy	02/09/1994	7,46	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 66
48	Trương Thị Bích	Thùy	15/06/1993	7,09	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 68
49	Hạ Thị Bích	Trâm	05/05/1986	7,55	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 75
50	Đặng Thị Hiền	Trang	20/07/1992	7,25	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 71
51	Phạm Thị	Trang	29/10/1989	7,65	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 73
52	Trần Thị Hoàng	Trang	04/09/1993	7,21	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 74
53	Nguyễn Thị Thu	Trinh	09/09/1990	7,69	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 76
54	Tổng Thị Thanh	Trúc	19/01/1991	7,51	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 77
55	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	12/07/1993	7,39	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 78
56	Lê Thị	Tuyết	03/11/1994	7,37	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 79
57	Trần Thị	Tuyết	28/11/1993	7,41	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 80
58	Hoàng Thị Hồng	Vân	06/04/1994	7,2	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 81
59	Nguyễn Thị	Vân	15/02/1992	7,51	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 82
60	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	16/01/1992	7,5	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 83
61	Hồ Thị	Xuân	12/09/1994	7,4	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 84
62	Lê Trần Hoàng	Yến	20/09/1994	7,52	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 85

Án định danh sách này có 62 (Sáu mươi hai) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:
- 62 xếp loại Khá

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG